

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 09-5-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Khắc L, sinh năm 1982. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H Thị Mỹ H. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C - Luật sư Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1968. Địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Văn D, sinh năm 1960. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Bùi Đăng Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Canada, vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Khắc L, bị đơn bà Bùi Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Khắc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 16-8-2018, ông và bà Bùi Thị D đến đăng ký kết hôn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó vợ chồng ra thành phố Đà Nẵng, sống tại quận S. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xung đột do không có tiếng nói chung, quan điểm sống không phù hợp cho nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Về sau thì vợ chồng không thể ngồi lại nói chuyện với nhau, nên đã tự sống ly thân từ năm 2020. Nay ông xác định là không còn tình cảm vợ chồng với bà D nữa nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con: ông và bà D không có con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có khối tài sản sau đây và yêu cầu Tòa án chia đôi cho ông và bà D:

+ 01 thửa đất biệt thự nhà vườn tại địa chỉ lô N1/7 khu N khu dân cư kinh tế nhà vườn H, thuộc xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất biệt thự nhà vườn tại xã H); thửa đất số: Lô N1/7, tờ bản đồ số: N nay thay đổi lại là thửa đất số 1263, tờ bản đồ số 52, với diện tích 2.350m²; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 530056 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01-02-2013. Tài sản này có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị Kim L vào ngày 18-10-2018.

+ 01 thửa đất ở tại địa chỉ 314 đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất ở tại 314 đường H); thửa đất số 03, tờ bản đồ số 233, diện tích 121m²; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 282213 do Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25-5-2011. Tài sản này có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu L vào ngày 25-01-2019.

+ 01 trang trại tại địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất trang trại tại thôn Đ); thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 17, diện tích 38.300m²; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 634483 do Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2007. Tài sản này có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Đặng thị Kim G vào ngày 16-5-2019.

* Ông Lê Khắc L trình bày thêm về khối tài sản chung: tất cả các lần đi công chứng hợp đồng mua 03 thửa đất nói trên thì ông đều có đi theo bà D, nhưng ông nghĩ là của chồng công vợ nên không ký vào. Theo đơn khởi kiện ông L đề nghị chia tài sản theo quy định của pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án thì ông yêu cầu chia đôi hoặc chia cho ông bằng hiện vật là thửa đất ở tại 314 đường H. Trong quá trình giải quyết vụ án, ban đầu ông L khai là trên thực tế ông không có đóng góp tiền để mua 03 thửa đất nói trên, nhưng xét về công sức đồng hành với bà D trong gần 02 năm nên đề nghị Tòa án xem xét để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông; sau đó thì ông khai lại là có góp tiền chung với bà D mua 03 thửa đất nói trên, nhưng góp bao nhiêu thì ông không nhớ.

- Về nợ chung: Ông và bà D không có nợ chung.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị D, ông có ý kiến như sau: Về yêu cầu của bà D đòi ông trả lại xe mô tô Honda SH 150i - Biển số đăng ký 59L1-94933 thì ông xác định đây là tài sản riêng của bà D, nhưng do đang trong thời kỳ hôn nhân nên ông mượn để sử dụng, khi ly hôn thì ông sẽ trả lại cho bà D. Về yêu cầu của bà D đòi ông trả lại số tiền 960 triệu thì ông xác định là không có nhận từ bà D số tiền này, nên ông không đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của bà D.

Bị đơn bà Bùi Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Bà và ông Lê Khắc L có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16-8-2018. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ra thành phố Đà Nẵng chung sống được 01 năm thì ly thân cho đến nay.

+ Về mối quan hệ hôn nhân với ông L thì bà cho rằng không dựa trên tình cảm yêu thương mà bà bị ông L lừa dối trong việc ký vào giấy đăng ký kết hôn, nhằm đạt được danh nghĩa vợ chồng để chia chác tài sản của bà. Ngoài 03 thửa

đất mà ông L đang kiện để chia trong vụ án này thì những tài sản khác của bà đã bị ông L chiếm đoạt bao gồm tiền, ngà voi, đồng hồ, xe Honda SH, ... vv. Trong thời gian ông L giả làm chồng bà thì ông vẫn sống chung với vợ con ông ta bình thường. Ngoài ra, toàn bộ gia đình, người thân của ông L không hề biết bà; khi tổ chức lễ cưới thì đại diện nhà trai cũng bị ông L nhờ người khác đóng thế.

+ Nay ông L xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án xem xét lại việc đăng ký kết hôn của ông bà là trái pháp luật bởi việc đăng ký kết hôn là do ông L ép buộc và có thỏa thuận khác. Vì khi bà và ông L tổ chức lễ cưới vào ngày 02-6-2018 thì ông L vẫn chưa ly hôn với vợ cũ mà đến ngày 14-8-2018 thì mới ly hôn và ngày 16-8-2018 thì bà và ông L mới đi đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Bà và ông L không có con chung.

- Về tài sản:

+ Bà và ông L không có tài sản chung.

+ Đối với yêu cầu của ông L về chia 03 bất động sản nói trên thì bà không đồng ý, vì đây là tài sản riêng của bà. Khi ký 03 hợp đồng để nhận chuyển nhượng 03 thửa đất nói trên thì chỉ cá nhân bà ký và thanh toán bằng tiền riêng của bà; mặc dù vào thời điểm này thì bà đang có quan hệ hôn nhân với ông L, nhưng do thường xuyên thực hiện mua bán nhà đất nên bà đã sử dụng cuốn sổ hộ khẩu thường trú tại phường 02 – quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để xin Ủy ban nhân dân phường 02 cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đang độc thân để dễ dàng thực hiện các giao dịch mua bán bất động sản.

+ Đối với việc hiện tại bà có 02 cuốn Sổ hộ khẩu thường trú tại 02 địa chỉ khác nhau là phường 15 và phường 02 - quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà trình bày là do:

* Vào năm 2008, bà mua nhà và cùng với gia đình về cư trú tại địa chỉ Thành phố Hồ Chí Minh và đã được Công an quận X – Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ hộ khẩu thường trú tại đây cho bà. Sau đó, bà bị cướp túi xách trong đó có Sổ hộ khẩu này, nên bà đã đến Công an phường 15 xác nhận việc mất Sổ hộ khẩu để làm lại và tiếp theo đến Công an quận X để làm lại Sổ hộ khẩu. Tuy nhiên, lúc đó tại Công an quận X thì bà lại xin chuyển khẩu đến phường 02, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nên ngày 17-11-2010 Công an quận X – Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Sổ hộ khẩu số 31030049033 cho chủ hộ Bùi Thị D; nơi thường trú phường 02, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Sau đó một thời gian thì có người đến nhà bà nói nhặt được Sổ hộ khẩu và gia đình bà đã cho người này 200.000 đồng để lấy lại Sổ hộ khẩu bị cướp trước đây (sổ màu xanh); thời gian sau thì tổ dân phố đến thu lại sổ màu xanh để cấp mới sổ màu hồng, nên bà lại được cấp đổi Sổ hộ khẩu số 31030022254 do Công an quận X – Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11-6-2012 cho chủ hộ Bùi Thị D; nơi thường trú quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Khi đăng ký kết hôn với ông L thì bà đã sử dụng Sổ hộ khẩu thường trú 233 đường X, phường 15; còn xin giấy xác nhận độc thân để buôn bán bất động sản thì bà sử dụng Sổ hộ khẩu thường trú 144/44/2A đường N, phường 02.

- Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung.

- Tại đơn phản tố nộp cho Tòa án ngày 23-5-2022, bà Bùi Thị D trình bày:

+ Trước khi kết hôn với ông L thì bà có nhờ ông L mua nhà, đất cho bà ở, tỉnh Đồng Nai và vào tháng 5 và tháng 6 năm 2018, bà đã chuyển khoản cho ông L tổng cộng 960 triệu đồng qua Ngân hàng TMCP C Việt Nam và Ngân hàng TMCP A. Tuy nhiên, sau đó ông L lấy lý do là bị chủ nợ khác thúc ép, gây áp lực nên đã lấy số tiền của bà nói trên để trả nợ cho họ và ông L nhiều lần hứa hẹn trả lại tiền cho bà nhưng đã 04 năm qua vẫn chưa trả đồng nào. Nay bà yêu cầu ông L thanh toán dứt điểm cho bà số tiền là 960 triệu đồng.

+ Mặt khác, vào tháng 8-2020 ông L nói không có xe đi lại nên hỏi mượn của bà chiếc xe mô tô Honda SH 150i - Biển số đăng ký 59L1-94933, có Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005666 do Công an quận X – Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22-01-2015 cho bà Bùi Thị D; trị giá chiếc xe tại thời điểm ông L mượn vào khoảng 70 triệu đồng. Đến nay đã gần 02 năm nhưng không trả nên bà yêu cầu ông L trả lại xe cho bà.

- Tại phiên tòa, bị đơn bà D rút một phần yêu cầu phản tố về nội dung đòi ông L trả lại số tiền 960 triệu đồng.

Tại Đơn trình bày, ghi ngày 16-5-2022 gửi cho Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D, trình bày:

- Thừa đất biệt thự nhà vườn tại H thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông do em gái là Bùi Thị D tặng cho ông, theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký tại Văn phòng Công chứng Thái Thu H ngày 25-01-2021 và Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác nhận sang tên ngày 29-01-2021.

- Thật ra, trước khi ký công chứng vào ngày 25-01-2021 thì em gái ông là bà D đã cho ông thừa đất này từ tháng 3-2020; khi đó anh em ông đã đến Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng, sau khi đã ký tên, đến phần xác nhận của Công chứng viên thì họ giải thích là có tiếp nhận văn bản của Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các Phòng Công chứng không cho thực hiện các giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, ... vì lô đất nói trên đang được thanh tra, vì thế anh em ông phải ra về; lúc này ông L biết rõ lý do ông ra Đà Nẵng và vẫn có thái độ vui vẻ, bình thường.

Tại Đơn trình bày, ghi ngày 18-5-2022 gửi cho Tòa án qua thư điện tử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đăng Q, trình bày:

- Mẹ tôi là Bùi Thị D có tặng cho tôi 02 tài sản do mẹ tôi tạo dựng bao gồm:

+ Lô đất mặt tiền số 314 đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có hợp đồng công chứng xác nhận ngày 08-5-2020 và được Ủy ban nhân dân quận L xác nhận cho đứng tên tôi hợp pháp.

+ Trang trại tại địa chỉ tổ 2, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có hợp đồng công chứng xác nhận ngày 08-5-2020 và được Ủy ban nhân dân huyện H xác nhận cho đứng tên tôi hợp pháp.

- Sau khi việc đứng tên 02 tài sản được hoàn tất mọi thủ tục theo quy định của pháp luật, tôi có nhờ mẹ tôi giúp tôi trông nom, chăm sóc và quản lý 02 tài sản này, còn bản thân tôi tiếp tục sang Canada để hoàn thành chương trình cao học. Nay hay tin mẹ tôi bị ông Lê Khắc L khởi kiện và tranh chấp tài sản, ông ấy tự nhận những tài sản mẹ tôi mua và gây dựng trước đó là tài sản chung, nên tôi viết lá đơn này kính gửi đến quý Tòa xem xét những trình bày của tôi như sau:

+ Lúc còn ở Việt Nam, do tôi là con cả trong gia đình nên bản thân thường xuyên đi theo mẹ hỗ trợ và chứng kiến nhiều lần mẹ mình thực hiện các giao dịch. Tôi cũng nhìn thấy mẹ mình luôn xuất trình giấy xác nhận tình trạng độc thân từ trước đến nay, với sự dành dụm, chắt bóp, tiết kiệm ra sao để tạo dựng ra những tài sản. Do đó khi mẹ tôi tặng cho tôi 02 tài sản nói trên có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền, tôi xin khẳng định và chịu trách nhiệm về lời khai của mình rằng những tài sản đó đều do một mình mẹ tôi tạo dựng.

+ Do việc đầu tư, kinh doanh bất động sản luôn phải có vốn nên ngoài phần vốn của mẹ tôi ra thì còn có phần vốn của chính tôi. Cụ thể, tôi có tài sản là căn nhà tọa lạc tại địa chỉ 233 X, phường 15, quận X, thành phố Hồ Chí Minh; do tôi sang Canada du học từ năm 2016 cho nên có ủy quyền cho mẹ tôi thay mặt mình thực hiện việc bán căn nhà nói trên; hợp đồng ủy quyền được xác lập ngày 07-5-2016 tại Văn phòng Công chứng B – quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và được mẹ tôi thực hiện việc chuyển nhượng vào ngày 26-6-2017 với giá 4,2 tỷ đồng; mẹ tôi đã sử dụng luôn số tiền này với phần vốn của mẹ để tiếp tục đầu tư các bất động sản khác. Dòng vốn cứ thế theo tuần hoàn và đến cuối cùng là các tài sản mà ông L hiện nay đang tự nhận là của ông ấy góp vốn, góp sức.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 24-3-2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value, kết luận:

- Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 6.964.778.400 đồng;

- Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số lô N1/7, tờ bản đồ số N, địa chỉ lô N1/7 khu N Khu dân cư kinh tế nhà vườn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 7.078.505.500 đồng;

- Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 233, địa chỉ tổ 12, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, trị giá 3.068.520.675 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào Điều 43 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 499 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc L,

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị D,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Khắc L được ly hôn với bà Bùi Thị D.

2. Về chia tài sản: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Khắc L đối với bà Bùi Thị D đối với 03 thửa đất sau:

01 thửa đất ở tại nông thôn diện tích $2.350m^2$ (thửa đất số: Lô N1/7, tờ bản đồ số: N nay thay đổi lại là thửa đất số 1263, tờ bản đồ số 52), tại địa chỉ lô N1/7 khu N Khu dân cư kinh tế nhà vườn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 530056 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01-02-2013.

01 thửa đất ở tại đô thị diện tích $121m^2$ (thửa số 03, tờ bản đồ số 233), tại địa chỉ 314 đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 282213 do Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25-5-2011.

01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích $38.300m^2$ (thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 17), tại địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số AG 634483 do Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2007.

3. Về yêu cầu đòi tài sản: buộc ông Lê Khắc L phải trả lại bà Bùi Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; loại SH 150i; số máy KF14E-0058779; số khung RLHKF1417DY-068822; biển số đăng ký 59L1-94933, có Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005666 do Công an quận X – Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22-01-2015.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về số tiền 960.000.000 đồng của bà Bùi Thị D đối với ông Lê Khắc L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

- Ngày 04/10/2022, ông Lê Khắc L nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung, lý do kháng cáo: Tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông là không khách quan, không đúng với công sức đóng góp khi tạo lập tài sản chung.

- Ngày 03/10/2022, bà Bùi Thị D nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị không công nhận hôn nhân giữa bà và ông L là hợp pháp vì bà bị lừa dối và ép buộc.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Ông Lê Khắc L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà Bùi Thị D vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Lê Khắc L trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà D tạo dựng được 03 thửa đất tại huyện H và quận L, thành phố Đà Nẵng nên đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản bằng hiện vật cho ông L, đồng thời yêu cầu Tòa án hủy các chỉnh lý biến động trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Văn D và ông Bùi Đăng Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc L, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Bùi Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về nguồn gốc 03 thửa đất mà ông L cho là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với bà D, thì thấy:

Ngày 18-10-2018, tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hải Sâm – quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bà Phan Thị Kim L ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị D thửa đất ở tại nông thôn diện tích 2.350m² (thửa đất số: Lô N1/7, tờ bản đồ số: N nay thay đổi lại là thửa đất số 1263, tờ bản đồ số 52), tại địa chỉ lô N1/7 khu N Khu dân cư kinh tế nhà vườn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (thửa đất biệt thự nhà vườn tại xã H); có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 530056 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01-02-2013 đứng tên bà Phan Thị Kim L. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H chỉnh lý biến động sang tên bà D ngày 10-01-2019.

Ngày 25-01-2019, tại Phòng Công chứng số 3 – Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, ông Nguyễn Hữu L ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị D thửa đất ở tại đô thị diện tích 121m² (thửa số 03, tờ bản đồ số 233), tại địa chỉ 314 đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (thửa đất tại 314 đường H); có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 282213 do Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25-5-2011. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận L chỉnh lý biến động sang tên bà D ngày 19-02-2019.

Ngày 16-5-2019, tại Văn phòng Công chứng Phước Nhân – quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, bà Đặng Thị Kim G ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị D thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 38.300m² (thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 17), tại địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (thửa đất tại thôn Đ); có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số AG 634483 do Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2007 (đứng tên bà Đặng Thị Kim G ngày 05-7-2017). Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H chỉnh lý biến động sang tên bà D ngày 21-5-2019.

[2] Sau đó, ngày 08-5-2020 bà D đã ký hợp đồng tặng cho con trai là ông Bùi Đăng Q thửa đất tại 314 đường H và thửa đất tại thôn Đ. Ngày 25-01-2021 bà D đã ký hợp đồng tặng cho anh trai là ông Bùi Văn D thửa đất biệt thự nhà vườn tại xã H.

[3] Xét các giao dịch về nhận chuyển nhượng 03 thửa đất nói trên, thì thấy:

Khi thực hiện các giao dịch chuyển nhượng nhà đất trên bà D đã sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là độc thân do Ủy ban nhân dân phường 2, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó bà đã thực hiện ký các hợp đồng chuyển nhượng và đứng tên một mình trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L biết việc bà D đứng tên một mình trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không phản đối.

[4] Mặc dù các tài sản trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hoà giải ngày 31/3/2021 (bút lục 221), ông L khai thừa nhận ông không có đóng góp tiền bạc để tạo lập ra 03 thửa đất nói trên. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L cung cấp các tài liệu chứng cứ như chứng từ rút tiền tiết kiệm ngày 29/8/2018, số tiền 2.000.000.000đ; chứng từ chuyển tiền cho bà D ngày 12/4/2019, số tiền 2.935.000.000đ và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, ông L không chứng minh được 03 tài sản trên hình thành từ các khoản tiền này. Lời khai ban đầu của ông L tại Biên bản hoà giải ngày 31/3/2021 là có cơ sở, đáng tin cậy.

[5] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc nhận chuyển nhượng 03 thửa đất nói trên là từ nguồn tiền riêng của bà D nên cả 03 thửa đất này là tài sản riêng của bà D theo quy định tại Điều 43 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông

Lê Khắc L và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất biệt thự nhà vườn tại xã H; thửa đất tại 314 đường H và thửa đất tại thôn Đ.

[6] Do bà D đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không thuộc trường hợp có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Bùi Thị D;
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc L;
3. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Khắc L phải chịu 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0005067 ngày 07/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.
- Bà Bùi Thị D phải chịu 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0005057 ngày 03/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự